| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: **224**/2022/HS-PT
Ngày: 24-6-2022

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông **Nguyễn Văn Tào**

*Các Thẩm phán:* Ông **Trương Công Thi**

Ông **Mai Xuân Thành**

***- Thư ký phiên tòa***: Ông **Phạm Minh Hoàng**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa***: Ông **Đặng Thọ Định** - Kiểm sát viên.

Vào ngày 24 tháng 6 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa để xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 131/2022/TLPT-HS ngày 24 tháng 3 năm 2022 đối với bị cáo Đặng Văn T về tội *"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"*. Do có kháng cáo của bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2022/HS-ST ngày 17/02/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

*Bị cáo bị kháng cáo*

**Đặng Văn T** (tên gọi khác: Không); sinh ngày 27 tháng 11 năm 1987 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Môi giới bất động sản; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; con ông Đặng Văn T; sinh năm: 1957 và bà Nguyễn Thị Minh H ( đã chết ); vợ, con: chưa; gia đình có 04 anh chị em ruột, bị cáo là con thứ ba; tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt truy nã ngày 09/4/2021, bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Thừa Thiên Huế đến ngày 23/7/2021, được thay thế biện pháp ngăn chặn cho bảo lĩnh. Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Đặng Văn T: Luật sư Lê Bá Nhật B, Văn phòng luật sư L, Đoàn luật sư tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

- *Bị hại:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1966. Địa chỉ: thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Nguyễn Thị H:* Luật sư Nguyễn Tuấn A, Văn phòng luật sư A, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội. Có mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Đặng Văn T, sinh năm 1957. Địa chỉ: thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

2. Bà Lê Thị Thùy D, sinh năm 1975. Địa chỉ: thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng.

3. Ông Tống Phước T, sinh năm 1974. Địa chỉ: thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng.

*Người đại diện theo ủy quyền của ông Tống Phước T và bà Lê Thị Thùy D:* Ông Võ Văn T; Địa chỉ: thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nội dung vụ án được tóm tắt như sau:***

Đầu tháng 10 năm 2016, bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1966, trú tại thành phố H, cùng con gái bà H là chị Hoàng Nguyễn Trung T nộp đơn tham gia đấu giá đất tại Khu quy hoạch B giai đoạn 3 (đợt 1) thuộc phường T, thành phố H do Công ty TNHH một thành viên Dịch vụ đấu giá X thực hiện; nộp tiền cọc 152.160.000 đồng để đấu giá lô đất B2. Ngày 17/10/2016, bà H đấu lô đất B2 nhưng không trúng, với mong muốn được đấu giá lô đất lớn hơn là lô đất có ký hiệu A4, nhưng số tiền cọc không đủ để tham gia đấu giá. Lúc này, Đặng Văn T đang đấu giá các lô đất khác nên bà H nhắn tin nhờ T đấu giúp lô A4 cho con gái thì T đồng ý (do T nộp tiền cọc số tiền lớn hơn nên được đấu lô giá cao hơn). Mức giá khởi điểm đầu lô A4 là 1.058.640.000 đồng. Bà H và T thỏa thuận, nếu đấu trúng lô A4 bà H sẽ lo mọi chi phí để T ra thẻ, sau đó sang tên cho con gái bà và bà sẽ trả thù lao cho T 30.000.000 đồng. Quá trình đấu giá, bà H thống nhất với T giá đấu lô A4 là 1.095.000.000 đồng, khi đấu giá T đưa ra mức giá và đấu trúng lô đất này với giá 1.091.500.000 đồng. Đấu giá xong, bà H có đưa T số tiền 3.500.000 đồng, tiền T được hưởng do T đưa ra mức giá thấp hơn. Sau đó, bà H chuyển tiền cho T 04 lần với tổng số tiền là 1.208.790.000 đồng (Một tỷ hai trăm lẻ tám triệu bảy trăm chín mươi nghìn đồng) để làm thủ tục ra giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chi phí sang tên qua con gái của bà H là chị T, cụ thể: lần thứ nhất ngày 19/10/2017, bà H đưa tiền mặt cho T số tiền 158.790.000 đồng (bằng mức tiền cọc lô A4) tại quán cà phê H, thành phố H; lần thứ hai ngày 01/11/2016, bà H vay tiền tại ngân hàng X N Thừa Thiên Huế số tiền 400.000.000 đồng, sau đó chuyển toàn bộ cho T; lần thứ ba ngày 12/11/2016, T đến cửa hàng xi măng G5 của bà H tại lô M08 khu quy hoạch Bàu Cá, phường T, thành phố H nhận tiền từ Hoàng Nguyễn Trung T (con gái chị H) số tiền là 100.000.000 đồng; lần thứ tư ngày 16/11/2016, bà H đến ngân

hàng X tại 40 Lê Lợi, thành phố H nộp tiền mặt vào tài khoản của Đặng Văn T, số tiền là 550.000.0000 đồng.

Số tiền nhận được của bà H, T đã nộp tiền trúng đấu giá lô đất A4 là 03 lần với tổng số tiền là 1.091.500.000 đồng, số còn lại T sử dụng vào việc cá nhân, cụ thể: Ngày 04/11/2016, T nộp tiền vào ngân sách Nhà nước với số tiền là 158.790.000 đồng; Ngày 16/11/2016, T nộp tiền vào ngân sách Nhà nước cùng nội dung nộp tiền vào lô A4 hai lần, với số tiền lần lượt là 927.280.000 đồng và 5.430.000 đồng.

Cùng ngày 16/11/2016, Nguyễn Nhật C (Sinh năm 1990, trú tại thị xã H ) nhờ T mượn tiền của Hoàng Trọng N (Sinh năm 1981, trú thành phố H) giúp cho C. Vì có quen biết với C nên T đến gặp Hoàng Trọng N mượn số tiền là 1.500.000.000 đồng trong thời hạn 02 tháng. Do biết T mới đấu trúng 02 lô đất nền N đồng ý cho T mượn số tiền 1.500.000.000 đồng (trong đó 1.300.000.000 đồng là số tiền bà Lê Thị Thùy D, sinh năm 1975, trú tại thành phố H, cho N mượn để N cho T mượn lại). Việc vay mượn tiền bà D cũng chứng kiến và Nguyễn Nhật C ký với tư cách bảo lãnh. T và N có lập 02 hợp đồng, một là hợp đồng mượn tiền giữa T và N và hai là hợp đồng mua bán chuyển nhượng quyền sử dụng đối với 02 lô đất A4 và A23 trong trường hợp T không có khả năng trả nợ thì sẽ bán thanh toán nợ.

Ngày 18/11/2016, T đưa cho N 02 giấy hẹn nội dung đến Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố H để lấy chứng nhận quyền sử dụng lô A23 và lô A4 đứng tên Đặng Văn T. Ngày 24/11/2016, vì C chưa có tiền trả nên T lấy giấy hẹn đến Văn phòng đăng ký đất đai thành phố H lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với lô A4 và A23 mang tên Đặng Văn T rồi chuyển lại cho N giữ để làm tin. Tuy nhiên, đến hẹn trả nợ vì không có tiền trả cho N nên T thỏa thuận với N bán lô đất A23, N đồng ý, T bán lô A23 và trả cho N số tiền là 200.000.000 đồng.

Quá hẹn trả nợ số tiền còn lại, không có tiền trả N để N trả lại cho bà D, nên N đề nghị T chuyển nhượng lại lô đất A4 Khu quy hoạch B cho bà D với giá trị là 1.200.000.000 đồng để cấn nợ. (riêng 100.000.000 đồng còn lại thì đã được ông Phan Trung (bố của C) trả thay vào ngày 14/12/2016).

Do không có tiền trả nợ cho N, lúc này T nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của bà H nên không thực hiện sang tên thửa đất A4 qua tên con gái bà H như thỏa thuận, mặc dù đã nhận đủ tiền nộp tiền đất ra thẻ từ bà H. Nên T đồng ý với đề nghị của N bán lô A4 lại cho vợ chồng ông T, bà D để cấn nợ. Ngày 03/3/2017, T cùng vợ chồng ông Tống Phước T, bà Lê Thị Thùy D và N đến Ủy ban nhân dân phường T ký chứng thực hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng lô đất A4 khu quy hoạch B mang tên Đặng Văn T cho vợ chồng ông T, bà D với giá trị trên hợp đồng là 550.000.000 đồng. Sau đó, N, T và D gặp nhau tại quán cơm Âm Phủ, địa chỉ số 51 Nguyễn Thái Học, thành phố H, tại đây T viết giấy chuyển nhượng quyền sử dụng lô đất A4 cho vợ chồng chị D với giá trị là 1.200.000.000 đồng và cả ba thống nhất không ai nợ ai nữa.

Sau đó bà H biết T đã bán lô đất A4 trên cho người khác thì nhiều lần tìm và gọi điện liên lạc nhằm yêu cầu T hủy hợp đồng mua bán đó và thực hiện việc chuyển nhượng sang tên sử dụng lô đất A4 cho con gái bà như đã thỏa thuận. T vì đã đem bán cấn nợ lô đất trên cho người khác, không có tiền để trả lại cho bà H, nên cố tình lẫn tránh, cắt liên lạc rồi bỏ trốn khỏi địa phương vào tỉnh Lâm Đồng từ tháng 05/2017 cho đến khi bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thừa Thiên Huế bắt giữ.

* Đồ vật, tài liệu Cơ quan điều tra thu giữ gồm:

1. 01 (một) giấy thỏa thuận ghi ngày 21/11/2016 của Đặng Văn T (bản gốc).

2. 01 (một) giấy nhận tiền mang tên Đặng Văn T (bản gốc).

3. 01 (một) hợp đồng mua bán chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất mang tên Đặng Văn T và Hoàng Trọng N (bản gốc).

4. 01 (một) văn bản cung cấp tài liệu chứng cứ do chị H ký tên.

5. 04 (bốn) bản tin nhắn điện thoại đã in ra giấy, có chữ ký của chị H, đã đóng dấu giáp lai của CQCSĐT CATP H của bốn bản này với "Văn bản cung cấp tài liệu chứng cứ", phần trên có chữ "Thong Bao Hiem".

6. 01 (một) giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất đề ngày 3/3/2017 mang tên Đặng Văn T (bản gốc).

7. 01 (một) giấy mượn tiền đề ngày 16/11/2016 giữa Hoàng Trọng N và Đặng Văn T có chữ viết chữ ký mang tên Đặng Văn T, Hoàng Trọng N và Lê Thị Thùy D (bản gốc).

8. 01 (một) giấy nhận tiền đề ngày 12/11/2016 số tiền 100.000.000 đồng có chữ viết, chữ ký mang tên Đặng Văn T (bản gốc).

9. 01 (một) giấy nộp tiền vào tài khoản số 0043 đề ngày 16/11/2016 tại ngân hàng viettinbank số tiền 550.000.000 đồng (bản gốc).

10. 01 (một) giấy nhận nợ số 02 của khách hàng Nguyễn Thị H đề ngày 31/10/2016 và 01 (một) Lệnh chi đề ngày 31/10/2016 mang tên người nhận tiền Nguyễn Thị H số tiền 400.000.000 đồng (bản photo).

* Về kết quả giám định:

+ Ngày 28/9/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố H, có Quyết định số 435 trưng cầu giám định chữ viết, chữ ký trên các tài liệu: 01 giấy thỏa thuận" mang tên Đặng Văn T, (ký hiệu A1); 01 giấy nhận tiền" mang tên Đặng Văn T ghi nội dung "..., có nhận tiền của chị Nguyễn Thị H...", (ký hiệu A2).

Tại bản kết luận giám định số 604/GĐ ngày 30/10/2020 của Phòng Kỹ Thuật hình sự Công an tỉnh Thừa Thiên Huế, kết luận: chữ viết mang tên "Đặng Văn T" trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2 so với chữ viết đứng tên Đặng Văn T trên các tài liệu mẫu ký hiệu M1 đến M9 do cùng một người viết ra; Chữ ký so với các tài liệu mẫu ký hiệu M2, M3, M9 do cùng một người ký ra.

+ Ngày 15/12/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thừa Thiên Huế, có Quyết định số 230/VPCQCSĐT-QĐ trưng cầu giám định chữ viết, chữ ký trên các tài liệu: 01 "GIẤY CHUYỂN NHƯỢNG QSD ĐẤT", có chữ viết, chữ ký số mang tên Đặng Văn T, đề ngày 03/3/2017, (ký hiệu Al); 01 tài liệu có nội dung "12/11/2016 Tôi: Đặng Văn T có nhận của bé Nu số tiền: 100.000.000 Một trăm triệu đồng chẵn... Đặng Văn T", (ký hiệu A2).

Tại bản kết luận giám định số 729/GĐ ngày 23/12/2020 của Phòng Kỹ Thuật hình sự Công an tỉnh Thừa Thiên Huế, kết luận: chữ viết mang tên Đặng Văn T trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2 so với chữ viết đứng tên Đặng Văn T trên tài liệu mẫu ký hiệu M2 đến M9 do cùng một người viết ra.

* Về định giá tài sản:

Ngày 12/01/2021, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Thừa Thiên Huế, có Yêu cầu định giá tài sản số 04/VPCQCSĐT đối với tài sản là lô đất tại thửa đất số A4 khu quy hoạch B giai đoạn 3 (đợt 1), thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế có diện tích 160,4m2 tại thời điểm ngày 03/3/2017. Ngày 03/2/2021, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: lô đất có đặc điểm nêu trên tại thời điểm định giá là tháng 3/2017 có giá trị thành tiền là 1.091.500.000 đồng (Một tỷ không trăm chín mươi mốt triệu năm trăm nghìn đồng).

Đối với lô đất A4 hiện nay, Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố H, xác nhận: thay đổi chủ sử dụng đất cho ông, bà Tống Phước T - Lê Thị Thùy D (nguồn gốc: nhận chuyển nhượng của ông Đặng Văn T, theo hợp đồng chuyển nhượng được UBND phường T chứng thực ngày 03/3/2017); trên cơ sở đề nghị của Cơ quan điều tra Công an thành phố H về việc ngưng sang tên đổi chủ giấy chứng nhận quyền sử dụng lô đất A4. nên Trung tâm Hành chính công thành phố H chưa trả kết quả cho ông, bà Tống Phước T và Lê Thị Thùy D.

* Về xử lý vật chứng: Các vật chứng tại mục (01) đến (10) chuyển theo hồ sơ vụ án.

Tiếp tục tạm giữ tại tài khoản Cơ quan điều tra Công an tỉnh Thừa Thiên Huế số tiền 700.000.000 đồng do bị cáo tác động gia đình nộp khắc phục cho bị hại để đảm bảo quá trình giải quyết vụ án.

* Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là bà Nguyễn Thị H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Tống Phước T, bà Lê Thị Thùy D đều yêu cầu được đứng tên quyền sử dụng đất đối với lô đất A4, Khu quy hoạch B giai đoạn 3 (đợt 1), phường T, thành phố H.

Quá trình điều tra bị cáo đã tác động gia đình nộp khắc phục số tiền 700.000.000 đồng tại tài khoản của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Thừa Thiên Huế cho bị hại.

***Tại bản án hình sự sơ thẩm số 13/2022/HS-ST ngày 17/02/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã quyết định:***

Căn cứ khoản 4 Điều 175; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự 2015.

Tuyên bố bị cáo Đặng Văn T phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Xử phạt: bị cáo Đặng Văn T 08 ( tám ) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt được tính từ ngày bắt thi hành án nhưng được trừ đi thời hạn bị tạm giam trước đó từ ngày 09/4/2021 đến ngày 23/7/2021.

2. Về trách nhiệm dân sự:

- Áp dụng các Điều 584, 585, 586 và 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015, buộc bị cáo Đặng Văn T tiếp tục bồi thường cho bà Nguyễn Thị H số tiền 508.790.000 đồng.

Số tiền 700.000.000 đồng mà bị cáo đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế sẽ được thi hành án trả cho bà Nguyễn Thị H khi bản án có hiệu lực.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 28/02//2022 (đơn trình bày chi tiết ngày 06/3/2022), bị hại Nguyễn Thị H kháng cáo toàn bộ bản án, yêu cầu hủy án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại vì vi phạm về thủ tục tố tụng và sai về phần nội dung bản án.

Tại phiên tòa:

- Người bị hại bà Nguyễn Thị H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Nguyễn Thị H cho rằng án sơ thẩm đã bỏ lọt tội phạm và đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo.

- Luật sư bào chữa cho bị cáo Đặng Văn T đề nghị xem xét giảm hình phạt cho bị cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người bị hại; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng; Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[1]. Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị H về phần thủ tục tố tụng, nhận thấy:

[1.1]. Về nội dung Tòa án cấp sơ thẩm đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bà là vi phạm pháp luật tố tụng; xét thấy: Ngày 24/01/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã tống đạt cho bà Nguyễn Thị H Quyết định hoãn phiên tòa số 295/2022/HSST-QĐ, trong đó ấn định ngày mở phiên tòa (ngày 17/02/2022). Ngày 10/02/2022, bà H có đơn xin hoãn phiên tòa vì lý do bà đang có đơn khiếu nại Cáo trạng số 41/CT-VKS-P2 ngày 08/10/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, nhưng chưa nhận được kết quả giải quyết khiếu nại của các cấp; xét thấy lý do của bà H nêu ra là không chính đáng, bởi lẽ Viện kiểm

sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã trả lời khiếu nại của bà từ tháng 10/2021 (Công văn số 1829/VKS-P2 ngày 22/10/2021). Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vắng mặt bà là không vi phạm thủ tục tố tụng.

[1.2]. Về nội dung Cơ quan điều tra không thông báo kết quả định giá lô đất A4 cho bà là vi phạm pháp luật; Xét thấy: Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì không thể hiện việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thừa Thiên Huế thông báo Kết luận định giá tài sản số 425/KL-HĐĐ ngày 03/02/2021 cho bà Nguyễn Thị H, là không đúng quy định tại khoản 2 Điều 222 Bộ luật tố tụng hình sự. Tuy nhiên thiếu sót này không thuộc trường hợp vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng để hủy án sơ thẩm để điều tra lại như yêu cầu kháng cáo của bà.

[1.3]. Về áp dụng biện pháp ngăn chặn đối với Đặng Văn T là vi phạm Điều 119 Bộ luật tố tụng hình sự: Xét thấy đây là quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra, được giải quyết theo trình tự khiếu nại, tố cáo trong tố tụng hình sự, không thuộc thẩm quyền của Tòa án cấp phúc thẩm, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xét nội dung này.

[2]. Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị H về nội dung bản án sơ thẩm giải quyết không đúng pháp luật; nhận thấy:

Ngày 17/10/2016, Đặng Văn T và bà Nguyễn Thị H cùng tham gia đấu giá quyền sử dụng đất ở thuộc Khu quy hoạch Bầu Vá giai đoạn 3 (đợt 1), phường T, thành phố H, tại đây bà H và Đặng Văn T thỏa thuận nhờ T đứng ra đấu giá lô đất A4, bà H sẽ trả hết các khoản chi phí để T được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng lô đất trên, sau đó T chuyển nhượng lại cho con gái bà H là chị Hoàng Nguyễn Trung T. T đã nhận đủ số tiền 1.208.790.000 đồng của bà H và làm các thủ tục để được Ủy ban nhân dân thành phố H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng lô đất A4 mang tên Đặng Văn T. T không chuyển nhượng quyền sử dụng lô đất A4 nêu trên cho con gái bà H như đã thỏa thuận trước đó, mà chuyển nhượng cho vợ chồng ông Tống Phước T và bà Lê Thị Thùy D với giá 1.200.000.000 đồng để trả các khoản nợ vay của cá nhân. Bà H nhiều lần liên lạc yêu cầu T trả lại tài sản nhưng T không trả lại mà bỏ trốn khỏi địa phương.

Xét thấy, việc thỏa thuận nêu trên giữa bà Nguyễn Thị H và Đặng Văn T là thỏa thuận dân sự, bà H và T chưa làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo đúng quy định của Luật đất đai. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo Đặng Văn T phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" và buộc bị cáo T bồi thường cho bà H số tiền chiếm đoạt 1.208.790.000 đồng là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng cáo của bà cho rằng Đặng Văn T chiếm đoạt tài sản của bà là lô đất A4 nêu trên và yêu cầu bị cáo hoàn trả lô đất cho bà; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về yêu cầu của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Nguyễn Thị H cho rằng án sơ thẩm đã bỏ lọt tội phạm và đề nghị tăng hình phạt đối với các bị cáo; xét thấy: Trong đơn kháng cáo ngày 28/02//2022 (đơn trình bày chi tiết ngày 06/3/2022) bà Nguyễn Thị H không nêu các nội dung trên; tuy nhiên xét thấy tại T báo việc kháng cáo số 779/2022/TB-TA ngày 18/3/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế xác định bà Nguyễn Thị H kháng cáo

toàn bộ bản án, nên hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu xem xét này của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Nguyễn Thị H tại phiên tòa.

[3.1] Đối với nội dung cho rằng Tòa án cấp cấp sơ thẩm đã bỏ lọt tội phạm, xét thấy: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được Cơ quan điều tra Công an tỉnh Thừa Thiên Huế thu thập theo đúng trình tự, thủ tục của BLTTHS và kết quả tranh tụng tại phiên tòa sơ, phúc thẩm không có căn cứ xác định tòa án cấp sơ thẩm bỏ lọt tội phạm, nên yêu cầu của Luật sư là không đủ cơ sở để xem xét.

[3.2] Về yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo; xét thấy: Bị cáo bị truy tố, xét xử theo quy định tại khoản 4 Điều 174 BLHS có khung hình phạt tù từ 12 năm đến 20 năm. Tuy nhiên sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã kịp thời tác động gia đình khắc phục bồi thường được 700.000.000 đồng, nên án sơ thẩm xử phạt bị cáo T với mức án 08 năm tù là phù hợp, đúng quy định pháp luật, không nhẹ. Do đó không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo T.

[4]. Về nội dung Luật sư bào chữa cho bị cáo Đặng Văn T đề nghị xem xét giảm hình phạt cho bị cáo; xét thấy; Sau khi xét xử sơ thẩm, trong thời hạn luật định bị cáo Đặng Văn T không có kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, nên nội dung đề nghị của Luật sư tại phiên tòa phúc thẩm, hội đồng xét xử không xem xét. Tuy nhiên như phân tích tại Mục [3.2] nêu trên, thì mức hình phạt đối với bị cáo T mà án sơ thẩm đã quyết định là phù hợp, đúng pháp luật.

[5]. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2022/HS-ST ngày 17/02/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6]. Do kháng cáo có nội dung liên quan đến phần trách nhiện dân không được chấp nhận nên bà H phải chịu án phí dân sự  phúc thẩm.

Từ nhận định trên;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự.

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị H; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ khoản 4 Điều 175; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự 2015.

Tuyên bố bị cáo Đặng Văn T phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Xử phạt: Bị cáo Đặng Văn T 08 (tám) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt được tính từ ngày bắt thi hành án nhưng được trừ đi thời hạn bị tạm giam trước đó từ ngày 09/4/2021 đến ngày 23/7/2021.

2. Về trách nhiệm dân sự:

- Áp dụng các Điều 584, 585, 586 và 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015, buộc bị cáo Đặng Văn T bồi thường cho bà Nguyễn Thị H số tiền 1.208.790.000 đồng; gia đình bị cáo T đã nộp số tiền 700.000.000 đồng để khắc phục hậu quả, nên bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường cho bà H số tiền là 508.790.000 đồng.

Bà H được nhận số tiền 700.000.000 đồng tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế do gia đình bị cáo T nộp khắc phục hậu quả.

3. Các quyết định khác về xử lý vật chứng, án phí sơ thẩm, quyền yêu cầu và trách nhiệm thi hành án được thi hành theo Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2022/HS-ST ngày 17/02/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

4. Về án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***
- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Cơ quan CSĐT-Công an tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Cơ quan CSTHAHS - Công an tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Sở Tư pháp tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Cục THADS tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Nguyễn Văn Tào**